

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

TỈNH THÁI BÌNH

Án số: 167 /2017/HSST

Ngày 05 - 10 - 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Đức Toàn – Phó trưởng ban pháp chế thành phố Thái Bình.

- Ông Vũ Tiến Thịnh – Phó trưởng ban kinh tế HĐND thành phố Thái Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2017/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn VĐ, xã VL, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Con ông: Phạm Ngọc D1 (Chết); Con bà: Vũ Thị Nh - Sinh năm 1948.

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất.

Vợ: Phạm Thị V; sinh năm 1971.

Có hai con lớn sinh năm 1995 nhỏ sinh năm 2003.

* **Tiền án:** Bản án số: 68/2014/HSST ngày 24/4/2014 của TAND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Phạm Ngọc D 2 năm 6 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/1/2016. Bị cáo chấp hành xong phần án phí ngày 10/6/2014

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 18/7/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1980; Trú tại thôn: VĐ, xã VL, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Đào Xuân T; sinh năm 1954. Trú tại thôn: VĐ, xã VL, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

- Anh Trần Minh D2, sinh năm 1993; Trú tại: Phường Đ, thành phố Th, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 12/7/2017 Phạm Ngọc D đi từ nhà đến khu vực thuộc xã VL, thành phố Th, tỉnh Thái Bình với mục đích mua ma túy về để bán kiếm lời. Tại đây D gặp và mua ma túy của một người nam giới khoảng 35 tuổi không quen biết 500.000 đồng được một gói ma túy. Sau đó D về nhà dùng tay cầu nhỏ gói hê rô in vừa mua được thành 10 gói nhỏ và cất vào túi quần bò treo trên mắc trong phòng ngủ của D. Đến khoảng 11h cùng ngày thì Phạm Ngọc D đang ở nhà thì có Phạm Văn đến gặp D và hỏi mua ma túy, D Đồng ý bán cho Q 01 gói với giá 100.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong Q liền đưa cho D 100.000 đồng và nhận từ D một gói ma túy, Q cất gói ma túy vừa mua được vào trong túi quần bên trái của Q đang mặc. Còn Phạm Ngọc D nhận tiền xong cất

vào túi quần bên phải của D đang mặc thì bị tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh Thái Bình kiểm tra phát hiện và bắt giữ. Kết quả thu giữ tại chỗ của Phạm Văn Q 01 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, mở ra bên trong có chứa các cục chất bột màu trắng dạng cục, theo Q khai đây là gói ma túy vừa mua của D nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quản lý, thu tại túi quần bên phải của D số tiền 100.000 đồng D khai số tiền vừa bán ma túy cho Q mà có. Kiểm tra người Trần Minh D2 và xe máy của D là người đi cùng với Q nhưng không phát hiện và thu giữ gì. Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 57 ngày 12/7/2017 tại chỗ ở của Phạm Ngọc D kết quả khám xét thu giữ tại túi quần bỏ phía sau bên trái treo tại góc phòng ngủ của D 01 túi lynon trong suốt, bên trong có 9 gói trong đó có hai gói trắng kim loại màu vàng và 07 gói giấy trắng kim loại màu trắng theo D khai nhận đó là hê rô in D dùng để bán. Ngoài ra cơ quan điều tra không quản lý đồ vật, tài sản gì khác. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là: Ông Đào Xuân T và anh Trần Minh D2.

Bản kết luận giám định số 304/KLGD-PC54 ngày 12/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

“Mẫu M1 gửi giám định thu của Phạm Ngọc D là ma túy, loại hê rô in, có trọng lượng **0,0266 gam** (*Không thấy không ngàn hai trăm sáu sáu gam*)”.

“Mẫu M2 gửi giám định thu của Phạm Ngọc D là ma túy, loại hê rô in, có trọng lượng 0,2336 gam (*Không thấy hai ngàn ba trăm ba mươi sáu gam*)”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Phạm Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 167/KSĐT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Ngọc D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Ngọc D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12/7/2017; áp dụng khoản 5 điều 194 phạt tiền bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng.

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 03-06); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 36); biên bản khám xét do cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình lập hồi 14h 30 phút ngày 12/7/2017 (Bút lục số 34-35), Bản kết luận

giám định số 304/KLGD- PC54 ngày 12/7/2017 (bút lục số 41); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là Ông Đào Xuân Thúy; sinh năm 1954. Trú tại thôn: Vân Động Nam, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Và anh Trần Minh D, sinh năm 1986; Trú tại: SN 09, tổ 7, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái. (bút lục số 62-65) bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phạm Văn Q (Bút lục số 68-70) Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Ngọc D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, mục đích để kiếm lời cho bản thân bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số: 304/KLGD-PC54 ngày 12/7/2017, số ma túy thu được của Phạm Ngọc D là ma túy, loại hê rô in mẫu M1 có trọng lượng 0,0266 gam. Mẫu M2 loại hê rô in có trọng lượng 0,2336 gam

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy bị cáo là người đã có tiền án bị đưa ra xét xử .

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự

năm 1999; Bản án số: 68/2014/HSST ngày 24/4/2014 của TAND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Phạm Ngọc D 2 năm 6 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/1/2016. Bị cáo chấp hành xong phần án phí ngày 10/6/2014 chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999.

Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”*

Bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với mục đích kiếm lời, vì vậy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ được của bị cáo D là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với số tiền 100.000 đồng của Phạm Văn Q dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu xung quỹ nhà nước.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người nam giới khoảng 35 tuổi, không quen biết, ở khu vực khu vực cầu Kim thuộc xã Vũ Lạc thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Văn Q là người mua ma túy của D vào ngày 12/7/2017, xét thấy Q mua ma túy lượng nhỏ, mục đích để sử dụng chưa đến mức phải truy cứu

trách nhiệm hình sự nên công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo đối với Q cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 12/7/2017.

Phạt tiền bị cáo Phạm Ngọc D 5.000.000 (Năm triệu đồng) đồng xung quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 của Phạm Văn Q dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 0,2370 gam hê rô in được niêm phong trong phong bì số 304/KLGD.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 21/9/2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/10/2017. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Việt Hưng